TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH L **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2026/DS-PT
Ngày: 08/7/2026
V/v Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 269/TLPT – DS ngày 20/04/2026 về việc *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2025/DS-ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 520/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị K, sinh năm 1934; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

1.2. Bà Sử Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

1.3. Bà Sử Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

1.4. Ông Sử Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Th: vắng mặt

1.5. Bà Sử Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Th: vắng mặt

1.6. Bà Sử Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Thị K, Sử Thị M và Sử Thị N: Ông Lê Minh T, sinh năm 1995; địa chỉ: số C, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh L (có

văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị Bé M1: có mặt

2. Bị đơn: Ông Sử Văn D, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Sử Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

3.2. Bà Sử Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: có mặt

3.3. Bà Lương Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L: vắng mặt

3.4. Anh Sử Lâm V, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L; vắng mặt

3.5. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L; vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H và chị T: Ông Sử Văn D – bị đơn: có mặt

4. Người kháng cáo: Ông Sử Văn D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Các nguyên đơn bà Dương Thị K, bà Sử Thị M, bà Sử Thị N, ông Sử Văn L, bà Sử Thị C, bà Sử Thị H trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp do Cha Mẹ ông Sử Văn T3 cho vợ chồng ông T3 và bà Dương Thị K từ rất lâu, gồm thửa 1172 và thửa 1174, toạ lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L*)*. Đến năm 1998, hộ ông Sử Văn T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi vào năm 2008.

Ngày 25/01/2011, ông Sử Văn T3 chết không để lại di chúc. Hiện tại ông Sử Văn D quản lý toàn bộ hai thửa đất nêu trên.

Ông Sử Văn T3 và bà Dương Thị K có các người con gồm: Sử Văn V (liệt sỹ, có hai con là Sử Thị C và Sử Văn T), Sử Văn L, Sử Văn D, Sử Thị M, Sử Thị N, Sử Thị C và Sử Thị H.

Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của ông T3 và bà K ½ diện tích đất cho bà Dương Thị K gồm toàn bộ thửa 1174 (thửa mới là thửa 282, tờ 13) diện tích 958,8m^2 và một phần thửa 1172 (thửa mới là 77, tờ 13), diện tích 797m^2.

Diện tích còn lại của ông T3, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế cho các đồng thừa kế của ông T3 mỗi người nhận một phần có diện tích 209m^2. Cụ thể: bà C nhận thửa 77a, bà H nhận thửa 77b, ông T và bà C nhận thửa 77c, ông L nhận thửa 77d, ông D nhận thửa 77e, bà N nhận thửa 77f, bà M nhận thửa 77g, bà

K nhận thửa 77h đều thuộc một phần của thửa 77, tờ bản đồ số 13. Các nguyên đơn đồng ý để ông D quản lý, sử dụng căn nhà thờ trên đất.

Các nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 26/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M *(nay là Chi nhánh Văn phòng Đ- Vĩnh L)* và đồng ý liên đới trả giá trị cây trồng trên đất cho ông D theo kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã định.

Tài sản trên thửa đất số 282 của bà N, bà M và ông T thì các đương sự không có yêu cầu gì.

** Bị đơn Sử Văn D trình bày*:

Ông Sử Văn D công nhận lời khai của các nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, gia đình giữa các bên đương sự là đúng. Ông Sử Văn T3 và bà Dương Thị K là vợ chồng, có các người con gồm: Sử Văn V *(liệt sỹ, có hai con là Sử Thị C và Sử Văn T)*, Sử Văn L, Sử Văn D, Sử Thị M, Sử Thị N, Sử Thị C và Sử Thị H.

Ông Sử Văn T3 chết vào ngày 25/01/2011, không để lại di chúc.

Nguồn gốc đất tranh chấp do Cha Mẹ ông Sử Văn T3 cho vợ chồng ông T3 và bà Dương Thị K từ rất lâu, gồm thửa 1172 và thửa 1174, toạ lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L*)*. Đến năm 1998, hộ ông Sử Văn T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi vào năm 2008. Hiện tại ông D đang quản lý hai thửa đất nêu trên và trồng Dừa trên đất, đã cho trái. Đây là đất hương hoả để thờ cúng tổ tiên. Trên thửa đất 1172 *(thửa mới là thửa 77, tờ 13)* có căn nhà thờ trên đất, căn nhà này do ông D cùng vợ ông là bà Lương Thị H, con Sử Lâm V và con dâu ông là Nguyễn Thị Cẩm T đang ở.

Do đây là đất hương hoả để thờ cúng nên ông D không đồng ý chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Nếu phải chia theo quy định của pháp luật, ông D đồng ý lấy kết quả đo đạc theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 26/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ- Vĩnh L) và kết quả định giá tài sản ngày 10/02/2022 để giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Sử Thị C và ông Sử Văn T có đơn yêu cầu độc lập trình bày:

Bà C và ông T là con ruột của Liệt sỹ Sử Văn V. Ông V là con của ông Sử Văn T3 chết năm 2011, không để lại di chúc.

Bà C và ông T là người thừa kế thế vị của ông V nên bà C và ông T yêu cầu được chia thừa kế một phần di sản của ông T3 theo quy định của pháp luật. Cụ thể là thửa 77c, thuộc một phần thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13.

- Anh Sử Lâm V trình bày:

Anh V đồng ý với lời trình bày của ông D, không có bổ sung gì thêm.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của ông Sử Văn D, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người làm chứng do bị đơn triệu tập là ông Sử Văn H2 và ông Sử Văn D1 đều trình bày:

Ông H2 và ông D1 là thành viên trong gia tộc họ Sử. Ông H2 và ông D1 đều biết phần đất mà các bên đang tranh chấp có nguồn gốc do ông T3 được C2, M2 cho vợ chồng ông T3 và bà K để thờ cúng tổ tiên. Khi ông T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2025/DS-ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh L quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Dương Thị K, Sử Văn L, Sử Thị M, Sử Thị N, Sử Thị C và Sử Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sử Thị C và Sử Văn T.

- Công nhận các thửa đất số 282, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ 299 là thửa 1174, tờ bản đồ số 1) và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ 299 là thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L là tài sản chung của ông Sử Văn T3 và bà Dương Thị K.

- Công nhận ½ diện tích và giá trị của các thửa đất số 282, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ 299 là thửa 1174, tờ bản đồ số 1) và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ 299 là thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 1), tọa lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L là di sản do ông Sử Văn T3 chết để lại.

- Công nhận bà Dương Thị K, ông Sử Văn D, ông Sử Văn L, bà Sử Thị C, bà Sử Thị H, bà Sử Thị M, bà Sử Thị N và ông Sử Văn V đều là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Sử Văn T3; bà Sử Thị C và ông Sử Văn T là người thừa kế thế vị của ông Sử Văn V và đều được chia di sản do ông Sử Văn T3 chết để lại theo quy định của pháp luật.

Cụ thể tuyên:

1. Bà Dương Thị K được chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ thửa đất số 282, tờ bản đồ số 13, diện tích 958,8m^2 và 797m^2 đất (ký hiệu 77h) thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 cùng toàn bộ cây trồng trên đất toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

2. Bà Sử Thị C được chia thừa kế theo pháp luật 209,1m^2 (ký hiệu 77a) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

3. Bà Sử Thị H được chia thừa kế theo pháp luật 209m^2 (ký hiệu 77b) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

4. Ông Sử Văn T và bà Sử Thị C được chia thừa kế theo pháp luật 209,3m^2 (ký hiệu 77c) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

5. Ông Sử Văn L được chia thừa kế theo pháp luật 209,1m^2 (ký hiệu 77d) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

6. Ông Sử Văn D được chia thừa kế theo pháp luật 500,5m^2 (ký hiệu 77e) cùng một ngôi nhà trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

7. Bà Sử Thị N được chia thừa kế theo pháp luật 209,4m^2 (ký hiệu 77f) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

8. Bà Sử Thị M được chia thừa kế theo pháp luật 209,7m^2 (ký hiệu 77g) cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh L.

Các phần đất mà các đương sự được chia có hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

9. Buộc ông Sử Văn D, bà Lương Thị H, anh Sử Lâm V và chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ giao đất cho bà Dương Thị K, bà Sử Thị C, bà Sử Thị H, ông Sử Văn L, bà Sử Thị N, bà Sử Thị M, ông Sử Văn T và bà Sử Thị C đúng vị trí, diện tích đất và cây trồng trên đất như nội dung Bản án đã tuyên.

10. Quá trình thi hành án, các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

11. Buộc bà Dương Thị K, bà Sử Thị C, bà Sử Thị H, ông Sử Văn L, bà Sử Thị N, bà Sử Thị M, ông Sử Văn T và bà Sử Thị C liên đới hoàn trả cho ông Sử Văn D số tiền 128.252.000 đồng là giá trị cây trồng trên đất.

Nghĩa vụ liên đới theo phần của mỗi đương sự nêu trên là 16.031.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí; quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/12/2025, bị đơn Sử Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn Sử Văn D vắng mặt khi tuyên án, ngày 02/12/2025, bị đơn Sử Văn D nhận tống đạt bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ huyết thống, quan hệ thừa kế như án sơ thẩm đã xác định. Phần đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sử Văn T3 trong thời kỳ hôn nhân với bà Dương Thị K. Hiện trạng trên đất tranh chấp có đường đi chung và căn nhà của ông Lê Văn N1 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với điều kiện phải trừ lại phần đất mồ mả và phần đường đi chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc phát hành bản án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Sử Văn D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D thừa nhận phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 77 có diện tích 2.553m^2, thửa đất số 282 có diện tích 958,8m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sử Văn T3 và là tài sản chung vợ chồng của ông T3 và bà Dương Thị K. Tuy nhiên, ông Sử Văn D lại cho rằng đã được cha tặng cho và sử dụng làm đất hương hoả cho gia tộc họ S nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 77 và 282 là tài sản chung vợ chồng của bà Dương Thị K, ông Sử Văn T3 và chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông T3 trong khối tài sản chung vợ chồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có mặt tại phiên tòa xác định trên đất có đường đi sử dụng chung và còn có căn nhà của ông Lê Văn N1 nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Đồng thời, diện tích đất mồ mả, diện tích đường đi chung chưa được cấp sơ thẩm xem xét khi chia thừa kế, diện tích kỷ phần chia thừa kế theo bản án sơ thẩm dưới mức tối thiểu theo quy định tại Quyết định số

45/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh B, có hiệu lực ngày 05/11/2024 nhưng Thẩm phán cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ điều kiện tách thửa để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi giải quyết về nội dung và còn có sai sót trong phát hành bản án.

[3] Với những vi phạm nêu trên của Thẩm phán cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, để đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa người tham gia tố tụng được đảm bảo, giải quyết triệt để vụ án, cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án như đề nghị của vị kiểm sát viên là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được giải quyết lại trong giai đoạn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 218/2025/DS-ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh L về việc "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật" và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Sử Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và đã được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được xem xét giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 9 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu